

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ B

TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 213/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-10-2019.

V/v: “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

- Địa diện Viện Kiểm sát nhân dân TP **B** tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1235/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Huyền Hải A, sinh năm 1989

Địa chỉ: 28/1, KP1, P. D, TP. **B**, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1979

Địa chỉ: 28/1, KP1, P. D, TP. **B**, tỉnh Đồng Nai

(Bà A, ông V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23/5/2019, bà Trương Huyền Hải A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP **B** giải quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V. Lý do xin ly hôn, theo Bà A trình bày: Năm 2011 bà và ông V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. D, TP. **B**, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn hạnh phúc, ông V thường xuyên xúc phạm danh dự với bà. Nay Bà A nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và ngày càng trở nên trầm trọng, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông V.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hạ Vi, sinh ngày 15/10/2012. Ly hôn bà xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi, không yêu cầu ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà A xác định không có.

Theo bản tự khai của ông Nguyễn Tuấn V trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như Bà A đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường thời gian sau đó vợ chồng ông sống không còn quan tâm chia sẻ nên thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm như trước nữa, nay ông đồng ý ly hôn với Bà A.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hạ Vi, sinh ngày 15/10/2012. Ly hôn ông đồng ý giao cháu Vi cho Bà A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: ông V xác định không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trương Huyền Hải A xin ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V và ông V có nơi cư trú tại địa chỉ: 28/1, KP1, P. D, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn Bà A và bị đơn ông V đều đã có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. D, TP. B, tỉnh Đồng Nai (theo giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 08/11/2011), theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, Bà A nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông V, lý do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay Bà A nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V. Qua lời khai của ông V cũng xác định tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn như trước, vì vậy ông V đồng ý ly hôn với Bà A.

Quá trình giải quyết vụ án, Bà A và ông V có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai Bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà A và ông V mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà A, giải quyết cho Bà A được ly hôn với ông V để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạ Vi, sinh ngày 15/10/2012 cho Bà A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà A trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung: không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: ông V, Bà A xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trương Huyền Hải A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Trương Huyền Hải A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Huyền Hải A được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạ Vi, sinh ngày 15/10/2012 cho Bà A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà A trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: không có, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Trương Huyền Hải A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí mà Bà A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **B**, theo biên lai thu số 0008291 ngày 05/6/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bà Trương Huyền Hải A và ông Nguyễn Tuấn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP **B** (2);
- THADS TP **B** (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. **B**, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương

